

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thực hiện Quyết định số 315/QĐ-BNV, ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 25 thủ tục hành chính (Phụ lục I) mới ban hành trong lĩnh vực Việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Ninh Bình, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2.** Bãi bỏ 25 Danh mục thủ tục hành chính (Phụ lục II) tại Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 06/05/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Ban quản lý các khu công nghiệp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

### Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nội vụ, Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh, Bảo hiểm xã hội, UBND cấp huyện có trách nhiệm thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và

trả kết quả UBND cấp huyện, ngân hàng chính sách xã hội niêm yết công khai, hướng dẫn và tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan cập nhật/gỡ bỏ nội dung thủ tục hành chính, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh tại Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan cập nhật/gỡ bỏ nội dung thủ tục hành chính, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện tại Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và Cổng thông tin điện tử tỉnh đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác đúng quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Ninh Bình; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
  - Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - VNPT Ninh Bình;
  - Lưu: VT, TTTH-CB, VP3, VP7.
- MT44/VP7/2025/CBTTHC- SNV

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tông Quang Thìn**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC  
VIỆC LÀM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ, NGÂN HÀNG  
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHI NHÁNH TỈNH, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_ /QĐ-UBND ngày \_\_\_\_/04/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Việc làm</b>							
1	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp 1.001978	20 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	X	- Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;  - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.		X
2	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp 1.001973	02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không		- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy		X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
3	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp 1.001966	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không		định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ  - Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.		X
4	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp 2.001953	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	X	- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp;		X
5	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đi) 2.000178	03 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	X	- Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một		X
6	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyên đến) 1.000401	03 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	X			X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
7	Giải quyết hỗ trợ học nghề 2.000839	20 ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	X	số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp - Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015.		X
8	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm 2.000148	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	X	- Thông tư số 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015.		X
9	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng 1.000362	Không quy định	Trung tâm Dịch vụ việc làm	Không	X	Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015.		X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
10	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động 1.001881	30 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.  -Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ		X
11	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001865	07 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	-Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện,		X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
12	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001853	05 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp cùng địa bàn tỉnh; giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép) 08 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (Trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.  -Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.		X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
13	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.001823	05 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X			X
14	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.009874	7 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X			
15	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm 1.009873	03 Ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X			



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
16	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài 1.000105	10 Ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Bộ luật Lao động 2019; - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.		
17	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu 2.000219	42 ngày làm việc (số lượng từ 500 lao động trở lên) 22 ngày làm việc (số lượng từ 100 đến dưới 500 lao động) 15 ngày làm việc (số lượng dưới 100 lao động)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ - Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc		X
18	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động 1.000459	5 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ		X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
19	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam 2.000205	5 Ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam;  - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.		X
20	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam 2.000192	3 Ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X	- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành		X
21	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (cấp Tỉnh) 1.009811	5 Ngày làm việc (kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của doanh nghiệp)	Trung tâm phục vụ hành chính công	Không	X			X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
22	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động 1.011546	15 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh	Không		phổ thuộc thành phố trực thuộc trung ương.		
23	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh 1.011547	15 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Ninh Bình	Không				

**II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**  
**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		
						Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Việc Làm</b>							
1	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động 11.011548	15 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Phòng giao dịch, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh cấp huyện	Không		- Luật Việc làm ngày 18/11/2016. - Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.		
2	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh 1.011550	15 Ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định)	Phòng giao dịch, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh cấp huyện	Không		- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Việc làm. - Thông tư số 03/2024/TT-BNV ngày 13/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định phân cấp một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về Việc làm của Bộ Nội vụ.		

**Phụ lục II**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI, NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI CHI NHÁNH TỈNH,  
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày    /    /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC VIỆC LÀM</b>			
1	2.000219.H42	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 06/05/2024 về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Ban quản lý các khu công nghiệp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (23 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 02 thủ tục hành chính cấp huyện).
02	1.001881.H42	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động		
03	1.001865.H42	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
04	1.001853.H42	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
05	1.001823.H42	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
06	1.000105.H42	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài		
07	2.000205.H42	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		
08	2.000192.H42	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		
09	1.009811.H42	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam		
10	1.009873.H42	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
11	1.009874.H42	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm		
12	1.000459.H42	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động		
13	1.001978.H42	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp		
14	1.001966.H42	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
15	2.001953.H42	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp		
16	2.000178.H42	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)		
17	1.000401.H42	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)		
18	2.000839.H42	Giải quyết hồ trợ học nghề		
19	2.000148.H42	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm		
20	1.000362.H42	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng		
21	1.001973.H42	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp		
22	1.011546.H42	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động.		

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
23	1.011547.H42	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh.		



**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản QPPL quy định việc thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ	Ghi chú
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC VIỆC LÀM</b>			
1	1.011548.H42	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động.	- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.	TTHC đã được công bố tại Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 06/05/2024 về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Ban quản lý các khu công nghiệp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (23 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 02 thủ tục hành chính cấp huyện).
2	1.011550.H42	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh.		